

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình
Đường giao thông từ xã Thọ Thanh đi xã Xuân Cẩm, huyện Thường Xuân
(Chương trình 30a)**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2015;
Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi một số
điều Luật Xây dựng ngày 28 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: Số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 về quản lý chi phí đầu tư xây dựng; số 15/2021/NĐ-CP ngày 03 tháng 3 năm 2021 quy định chi tiết một số nội dung về quản lý dự án đầu tư xây dựng; số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 về sửa đổi, bổ sung một số điều các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý Nhà nước của Bộ Xây dựng và Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ các Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh: Số 2059/QĐ-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2020 phê duyệt dự án đầu tư xây dựng; số 3688/QĐ-UBND ngày 21/9/2021 phê duyệt điều chỉnh dự án; số 801/QĐ-UBND ngày 13 tháng 3 năm 2023 phê duyệt điều chỉnh gian thực hiện dự án Đường giao thông từ xã Thọ Thanh đi xã Xuân Cẩm, huyện Thường Xuân (Chương trình 30a);

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 688/TTr-SXD ngày 21 tháng 3 năm 2025 (kèm theo Báo cáo thẩm định số 690/SXD-HĐXD ngày 21 tháng 3 năm 2025); của UBND huyện Thường Xuân tại Tờ trình số 60/TTr-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Đường giao thông từ xã Thọ Thanh đi xã Xuân Cẩm, huyện Thường Xuân, với những nội dung sau:

1. Khái quát về dự án

Dự án Đường giao thông từ xã Thọ Thanh đi xã Xuân Cẩm, huyện Thường Xuân được Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 4879/QĐ-UBND ngày 19/11/2019, phê duyệt dự án đầu tư tại Quyết định số 2059/QĐ-UBND ngày 05/6/2020, phê duyệt điều chỉnh dự án tại các Quyết định

số 3688/QĐ-UBND ngày 21/9/2021, số 801/QĐ-UBND ngày 13/3/2023 với quy mô xây dựng tuyến đường dài 6,49km đảm bảo tiêu chuẩn đường GTNT cấp A (theo TCVN 10380:2014), chiều rộng nền đường $B_n=6,5m$, mặt đường $B_m=3,5m$, lề đường $B_l=2 \times 1,5m$; vận tốc thiết kế $V_{tk}=20km/h$; tổng mức đầu tư (TMĐT) là 52.998.818.000 đồng; trong đó:

- Chi phí bồi thường, GPMB: 9.597.509.000 đồng.
- Chi phí xây dựng: 33.800.353.000 đồng.
- Chi phí quản lý dự án: 735.926.000 đồng.
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 2.971.809.000 đồng.
- Chi phí khác: 685.885.000 đồng.
- Chi phí dự phòng: 5.207.336.000 đồng.

2. Lý do điều chỉnh

Trong quá trình thi công phải thực hiện chuyển mục đích sử dụng rừng tự nhiên sang mục đích thực hiện dự án làm kéo dài thời gian thực hiện dự án; chính sách nhà nước có thay đổi, tăng chi phí GPMB làm tăng TMĐT của dự án. Vì vậy, để triển khai thực hiện hoàn thành dự án, việc điều chỉnh dự án (điều chỉnh TMĐT; điều chỉnh thời gian thực hiện) là phù hợp và cần thiết.

3. Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh: 56.209.578.000 đồng (Năm mươi sáu tỷ, hai trăm linh chín triệu, năm trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

ĐVT: Đồng

TT	Hạng mục chi phí	TMĐT theo Quyết định số 3688/QĐ-UBND ngày 21/9/2021	TMĐT điều chỉnh	Chênh lệch tăng (+); giảm (-)
1	Chi phí bồi thường GPMB	9.597.509.000	15.225.000.000	5.627.491.000
2	Chi phí xây dựng	33.800.353.000	36.033.499.000	2.233.146.000
3	Chi phí QLDA	735.926.000	735.926.000	0
4	Chi phí tư vấn đầu tư XD	2.971.809.000	2.960.132.000	-11.677.000
5	Chi phí khác	685.885.000	668.961.000	-16.924.000
6	Chi phí dự phòng	5.207.336.000	586.060.000	-4.621.276.000
	Tổng mức đầu tư	52.998.818.000	56.209.578.000	3.210.760.000

(Chi tiết có phụ lục kèm theo).

Nguồn vốn tăng thêm: Vốn đầu tư công nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương do tỉnh quản lý.

4. Điều chỉnh thời gian thực hiện dự án: Từ “Hoàn thành năm 2023” thành “Hoàn thành trong năm 2025”.

5. Các nội dung khác: Giữ nguyên theo Quyết định số 2059/QĐ-UBND ngày 05/6/2020 và Quyết định số 3688/QĐ-UBND ngày 21/9/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- UBND huyện Thường Xuân tổ chức thực hiện theo đúng các quy định hiện hành về đầu tư xây dựng; chịu trách nhiệm trước pháp luật, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh theo quy định. Trong bước tiếp theo, UBND huyện Thường Xuân có trách nhiệm thực hiện đầy đủ các nội dung đề nghị của Sở Xây dựng tại Báo cáo kết quả thẩm định số 690/SXD-HĐXD ngày 21 tháng 3 năm 2025.

- UBND huyện Thường Xuân, Sở Xây dựng chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và Chủ tịch UBND tỉnh về nội dung số liệu, hồ sơ điều chỉnh dự án trình thẩm định, phê duyệt.

- Sở Tài chính tham mưu cân đối ngân sách địa phương do tỉnh quản lý để được bố trí vốn cho phần chi phí tăng thêm; trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực X; Chủ tịch UBND huyện Thường Xuân và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Chủ tịch UBND tỉnh (để b/c);
- PCT UBND tỉnh Đầu Thanh Tùng;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, VHXXH_{30a04}

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đầu Thanh Tùng

PHỤ LỤC: ĐIỀU CHỈNH TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

Dự án: Đường giao thông từ xã Thọ Thanh đi xã Xuân Cẩm, huyện Thường Xuân (Chương trình 30a)
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

Đơn vị: Đồng

STT	Nội dung chi phí	TMĐT đã phê duyệt	Điều chỉnh TMĐT			Chênh lệch tăng (+), giảm (-)
			Diễn giải	Cập nhật dự toán, chi phí	Giá trị điều chỉnh	
I	Chi phí bồi thường, GPMB	9.597.509.000	Chi tiết theo phương án GPMB	15.225.000.000	15.225.000.000	5.627.491.000
II	Chi phí xây dựng	33.800.353.000	Quyết định số 2805/QĐ-UBND ngày 24/12/2020 của Chủ tịch UBND huyện Thường Xuân: CPXD 36,033 tỷ đồng, bảo hiểm 0,105 tỷ đồng, HĐ số 58/2020/HĐ-XD ngày 28/12/2020 với hình thức trọn gói	36.033.499.000	36.033.499.000	2.233.146.000
III	Chi phí quản lý dự án	735.926.000	Quyết định số 3688/UBND ngày 21/9/2021 Chủ tịch UBND tỉnh	735.926.000	735.926.000	0
IV	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	2.971.809.000		2.960.132.000	2.960.132.000	-11.677.000
1	Khảo sát, lập báo cáo NCKT	728.471.000	Quyết định số 689/QĐ-UBND ngày 26/3/2020 của Chủ tịch UBND huyện Thường Xuân	728.471.000	728.471.000	-
2	Lập nhiệm vụ khảo sát, bước lập báo cáo NCKT	15.541.000	Quyết định số 3688/UBND ngày 21/9/2021 Chủ tịch UBND tỉnh	15.541.000	15.541.000	-
3	Giám sát công tác khảo sát, bước lập báo cáo NCKT	21.094.000		21.094.000	21.094.000	-
4	Lập HSMT và đánh giá HSDT khảo sát lập BCNCKT	5.893.000	Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 20/1/2020 của Chủ tịch UBND huyện Thường Xuân	5.893.000	5.893.000	-
5	Khảo sát bước lập thiết kế BVTC	909.068.000	Quyết định số 1904/QĐ-UBND ngày 08/9/2020 của Chủ tịch UBND huyện Thường Xuân	909.068.000	909.068.000	-
6	Lập hồ sơ + cắm cọc GPMB					
7	Thiết kế BVTC và dự toán					
8	Lập kế hoạch bảo vệ môi trường	110.000.000	Quyết định số 2006/QĐ-UBND ngày 17/9/2020 của Chủ tịch UBND huyện Thường Xuân	98.323.000	98.323.000	-11.677.000
9	Lập nhiệm vụ khảo sát, bước lập thiết kế BVTC	9.404.000	Quyết định số 3142/QĐ-UBND ngày 06/8/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh	9.404.000	9.404.000	-
10	Giám sát công tác khảo sát, bước TKBVTC	12.765.000		12.765.000	12.765.000	-

STT	Nội dung chi phí	TMĐT đã phê duyệt	Điều chỉnh TMĐT			Chênh lệch tăng (+), giảm (-)
			Diễn giải	Cập nhật dự toán, chi phí	Giá trị điều chỉnh	
11	Lập HSMT, đánh giá HSDT các gói thầu	83.100.000	Quyết định số 1687/QĐ-UBND ngày 10/8/2020 của Chủ tịch UBND huyện Thường Xuân	83.100.000	83.100.000	-
12	Giám sát thi công xây dựng	911.465.000	Quyết định số 2806/QĐ-UBND ngày 24/12/2020	911.465.000	911.465.000	-
13	Thẩm định HSMT và KQLCNT gói thầu thi công XD và bảo hiểm	34.031.000	Quyết định số 3688/UBND ngày 21/9/2021 Chủ tịch UBND tỉnh	34.031.000	34.031.000	-
14	Thẩm định HSMT và KQLCNT gói thầu tư vấn	2.000.000		2.000.000	2.000.000	-
15	Khảo sát, lập BCNCKT điều chỉnh	84.535.000	Quyết định số 3688/UBND ngày 21/9/2021 Chủ tịch UBND tỉnh	84.535.000	84.535.000	-
16	Lập nhiệm vụ khảo sát bước lập BCNCKT điều chỉnh	1.968.000		1.968.000	1.968.000	-
17	Giám sát công tác khảo sát bước lập BCNCKT điều chỉnh	2.671.000		2.671.000	2.671.000	-
18	Khảo sát, lập TKBVTC điều chỉnh	39.803.000		39.803.000	39.803.000	-
V	Chi phí khác	685.885.000		668.961.000	668.961.000	-16.924.000
1	Rà phá bom mìn, vật nổ	365.541.000	Quyết định số 419/QĐ-UBND ngày 15/3/2021 của Chủ tịch UBND huyện Thường Xuân	348.617.000	348.617.000	-16.924.000
2	Bảo hiểm công trình	105.000.000	Theo hợp đồng số 58/2020/HĐ-XD ngày 28/12/2020	105.000.000	105.000.000	-
3	Thẩm định thiết kế BVTC	14.807.000	Quyết định số 3688/UBND ngày 21/9/2021 Chủ tịch UBND tỉnh	14.807.000	14.807.000	-
4	Thẩm định dự toán	14.190.000		14.190.000	14.190.000	-
5	Thẩm định báo cáo NCKT	7.420.000		7.420.000	7.420.000	-
6	Kiểm tra của CQQLNN	30.000.000		30.000.000	30.000.000	-
7	Thẩm tra, phê duyệt quyết toán	148.927.000		148.927.000	148.927.000	-
VI	Chi phí dự phòng	5.207.336.000		586.060.000	586.060.000	-4.621.276.000
1	Dự phòng cho yếu tố khối lượng phát sinh	4.203.715.000		586.060.000	586.060.000	-3.617.655.000
2	Chi phí dự phòng cho yếu tố trượt giá	1.003.621.000		-	-	-1.003.621.000
	TỔNG CỘNG	52.998.818.000		56.209.578.000	56.209.578.000	3.210.760.000